

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 171/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 9 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP,
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lì

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyền

Ông Nguyễn Thế Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 460/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Vào năm 2014 anh **Nguyễn Văn P** và chị **Nguyễn Thị G** tự nguyện sống chung với nhau, đến ngày 02/3/2015 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống anh **P** và chị **G** nhiều lần phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **P** làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị **G**.

Về con chung: Anh **P** và chị **G** có 01 người con chung, tên **Nguyễn Bảo N** (Giới tính: Nữ) sinh ngày 30/10/2014, cháu **N** hiện đang sống chung với chị **G**.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị **Nguyễn Thị G** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn chị **Nguyễn Thị G**.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị **Nguyễn Thị G** chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P** được ly hôn với bị đơn chị **Nguyễn Thị G**.

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Bảo N** (Giới tính: Nữ) sinh ngày 30/10/2014 cho chị **Nguyễn Thị G** nuôi dưỡng.

Chị **G** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh **P** không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **Nguyễn Thị G** đều vắng mặt nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của anh **Nguyễn Văn P** và chị **Nguyễn Thị G** có hay không. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị **Nguyễn Thị G** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P** và bị đơn chị **Nguyễn Thị G**.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh **Nguyễn Văn P** và chị **Nguyễn Thị G** đã đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/3/2015, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh **Nguyễn Văn P**: Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của anh **P** và chị **G** rất hạnh phúc và đã có con chung. Thời gian gần đây anh **P** và chị **G** nhiều lần phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **P** làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị **G**. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của anh **P** và chị **G** là trầm trọng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014 thì anh **Nguyễn Văn P** yêu cầu được ly hôn với chị **Nguyễn Thị G** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh **P** và chị **G** có 01 con chung, tên **Nguyễn Bảo N** (Giới tính: Nữ) sinh ngày 30/10/2014, cháu **N** hiện đang sống chung với chị **G**. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng không ghi nhận được nguyện vọng của cháu **Nguyễn Bảo N** xin được sống chung với cha hay mẹ. Chị **G** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, theo lời thừa nhận của anh **P** thì hiện tại cháu **Nguyễn Bảo N** đang sống chung với chị **G** nhưng anh không rõ địa chỉ ở đâu. Sau khi ly hôn anh **P** đồng ý để chị **G** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Bảo N**. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu **Nguyễn Bảo N** nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất giao cháu **Nguyễn Bảo N** cho chị **Nguyễn Thị G** tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị **G** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **Nguyễn Thị G** đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của chị **Nguyễn Thị G** nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của anh **Nguyễn Văn P** và chị **Nguyễn Thị G** có hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P** phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều

82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P** được ly hôn với bị đơn chị **Nguyễn Thị G**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Bảo N** (Giới tính: Nữ) sinh ngày 30/10/2014 cho chị **Nguyễn Thị G** nuôi dưỡng.

Chị **G** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho anh **Nguyễn Văn P** và chị **Nguyễn Thị G** thành vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn P** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh **P** được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006970 ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- UBND xã Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil